

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2021

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Minh Phương

2. Bà Nguyễn Thị Bảy

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 2 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 56A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985. Xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện trú tại: Đài Loan (không rõ địa chỉ).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H có tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Định, huyện L, tỉnh Bắc Ninh ngày 06/02/2006. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng nhau tại thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H ngoại tình và vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đầu năm 2019 chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng không có thời gian quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Sau đó hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa và anh cũng không biết địa chỉ hiện tại của chị H tại Đài Loan. Anh

được biết chị H vẫn liên lạc với gia đình bà Trần Thị Đát ở thôn Ngô Phần, xã Bình Định, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Hoàn.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Sơn sinh ngày 30/12/2006 và cháu Nguyễn Sơn T1, sinh ngày 29/06/2012. Hiện nay hai cháu đang ở với anh. Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H không có bản tự khai.

Bà Trần Thị Đát trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H, tháng 02/2006 bà xây dựng gia đình cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Định, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc thì đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là gì thì bà không biết chỉ biết vợ chồng không có sự quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng và khó khăn về kinh tế nên tháng 02/2019 chị H đi lao động tại Đài Loan. Từ đó đến nay, vợ chồng không liên lạc với nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất khó hàn gắn.

Con chung: Vợ chồng có hai con là cháu Nguyễn Văn Sơn sinh ngày 30/12/2006 và cháu Nguyễn Sơn T1, sinh ngày 29/06/2012, hiện hai cháu ở với anh Tuyến, chị H vẫn gửi tiền về nuôi con chung.

Tài sản chung của vợ chồng: Bà không nắm được.

Nay anh Tuyến làm đơn xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T và chị H ly hôn; con chung giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Bà không có địa chỉ của chị Nguyễn Thị H nên bà không thể cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T xin xét xử vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án tới khi nghị án là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T là có căn cứ.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T. Xử: cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H; giao con chung là cháu Nguyễn Văn Sơn và cháu Nguyễn Sơn T1 cho anh T nuôi dưỡng; những vấn đề khác do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị H hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị H là bà Trần Thị Đất để giao Thông báo thụ lý vụ án, Bản mô tả câu hỏi đối với chị H, yêu cầu bà Đất thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh T và chị H; yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai gửi cho Tòa án; yêu cầu bà Đất cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài.

Phía bà Đất trình bày: Chị H vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà Đất vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị H cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết để gửi lời khai về Tòa án. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Nên căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị H theo thủ tục chung.

[2] Nội dung vụ án:

Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 06/02/2006 tại UBND xã Bình Định, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng nhau tại thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vì thế, đầu năm 2019 chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng không có thời gian quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và cũng không liên lạc với nhau nữa.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Con chung: Vợ chồng có hai con là cháu Nguyễn Văn Sơn sinh ngày 30/12/2006 và cháu Nguyễn Sơn T1, sinh ngày 29/06/2012. Sau khi chị Hoàn đi Đài Loan các con vẫn ở với anh T, còn chị H đang lao động tại nước ngoài nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được.

Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích của các con về mọi mặt cần giao hai con chung cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do anh T không yêu cầu.

Tài sản và công nợ: Không giải quyết do anh T không yêu cầu.

Án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

1. Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Sơn sinh ngày 30/12/2006 và cháu Nguyễn Sơn T1, sinh ngày 29/06/2012 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Hoàn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; không lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở đến việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số 0004745 ngày 24/02/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai